SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

CÔNG BỐ THÔNG TIN DANH MỤC CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ VNPRIVGRO

Kỳ tháng 10/2026

Stt	Mã cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Giới hạn trọng số của cổ phiếu (%)	Ghi chú
1	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	5,804,421,957	85%	71.58%	100.00%	
2	FPT	CTCP FPT	1,885,727,648	85%	100.00%	100.00%	
3	GEX	CTCP Tập đoàn GELEX	1,308,471,358	70%	100.00%	90.00%	
4	GMD	CTCP Gemadept	649,337,392	95%	100.00%	100.00%	
5	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	6,506,859,219	80%	71.58%	100.00%	
6	HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	8,442,964,520	60%	100.00%	95.00%	
7	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – CTCP	941,754,759	65%	100.00%	90.00%	
8	KDH	CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	1,234,436,388	60%	100.00%	85.00%	
9	LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	2,987,282,100	85%	71.58%	100.00%	
10	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội	10,068,749,885	50%	71.58%	100.00%	
11	MCH	CTCP Hàng tiêu dùng Masan	1,307,404,949	20%	100.00%	85.00%	
12	MSN	CTCP Tập đoàn Masan	1,460,374,611	60%	100.00%	100.00%	
13	MWG	CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động	1,475,694,086	75%	100.00%	100.00%	
14	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	3,202,757,296	70%	100.00%	100.00%	
15	PNJ	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	511,721,959	80%	100.00%	100.00%	
16	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	5,053,074,221	75%	71.58%	100.00%	
17	SSI	CTCP Chứng khoán SSI	3,001,302,333	70%	100.00%	95.00%	
18	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc	1,885,215,716	95%	71.58%	95.00%	
19	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	10,629,360,621	55%	71.58%	95.00%	
20	TCX	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	3,329,339,823	15%	100.00%	85.00%	
21	VCI	CTCP Chứng khoán Vietcap	1,152,231,925	75%	100.00%	90.00%	
22	VCK	CTCP Chứng khoán VPS	2,434,919,704	25%	100.00%	85.00%	
23	VHM	CTCP Vinhomes	8,214,824,008	30%	41.13%	100.00%	
24	VIC	Tập đoàn Vingroup – CTCP	7,762,186,429	35%	24.36%	90.00%	
25	VIX	CTCP Chứng khoán VIX	2,572,788,533	100%	100.00%	90.00%	
26	VJC	CTCP Hàng không Vietjet	769,092,961	50%	100.00%	85.00%	
27	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	1,522,299,908	75%	100.00%	95.00%	
28	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	10,000,000,000	55%	71.58%	95.00%	
29	VPL	CTCP Vinpearl	1,793,300,377	14%	41.13%	85.00%	
30	VRE	CTCP Vincom Retail	2,272,318,410	40%	100.00%	90.00%	

DANH MỤC CỔ PHIẾU DỰ PHÒNG CHỈ SỐ VNPRIVGRO

Stt	Mã cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)
1	HCM	CTCP Chứng khoán TPHCM	1,371,945,838	55%
2	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	178,815,054	55%
3	DXG	CTCP Bluemarq Group	1,268,104,965	75%
4	DIG	Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây Dựng	844,192,763	100%
5	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh	623,399,036	35%
6	CII	CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TPHCM	671,985,291	95%
7	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	1,267,399,283	55%
8	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	485,097,383	80%
9	VPX	CTCP Chứng khoán VPBANK	1,875,000,000	20%
10	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	1,003,312,808	60%